TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **68**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 10 năm 2019.
V/v X*in ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa* : Ông **Trần Duy Kh**

* *Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông **Huỳnh Vũ H**

2/. Bà **Cao Thị Mỹ Ph**

* *Thư ký Phên tòa*: Ông **Lê Khắc H -** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia Phên tòa:* Ông Triệu Đăng Kh – Kiểm sát viên

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tiến hành Phên tòa xét xử sơ thẩm công vụ án thụ lý số: 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn Phên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **Trần Minh Ph** – sinh năm 1998.

Trú tại: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B. (có mặt)

* *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng Nh** – sinh năm 2000.

Trú tại: Ấp 5, xã Ph, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019, anh Trần Minh Ph, là nguyên đơn trình bày: Anh Ph và chị Nguyễn Thị Hồng Nh tự nguyện chung sống như vợ chồng vào tháng 12/2018, có tổ chức lễ cưới hỏi nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, đến tháng 03/2019 thì chị Nh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Từ khi chị Nh bỏ đi thì anh chị cũng không hề liên hệ với

nhau để nói chuyện đoàn tụ. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Ph xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

Khi ly hôn anh Ph yêu cầu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: 07 chỉ 05 phân vàng 24K và 12 chỉ 06 phân vàng 18K do chị Nh đang quản lý, chị Nh phải giao cho anh một nửa số vàng này. Về con chung và nợ chung không có nên anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Ph không yêu cầu gì thêm.

Tại Phên tòa, anh Trần Minh Ph xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để anh chị tự thỏa thuận, các vấn đề khác anh Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu.

* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nh, nhưng chị Nh đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Ph cho Tòa án.

** Tại Phên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh Ph và chị Nh chung sống như vợ chồng từ năm 2018 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Ph và chị Nh là vợ chồng.

+ Về con chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Do anh Ph tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên đề Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của anh Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Minh Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Nh và yêu cầu chia tài sản nên đây là tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh có địa chỉ cư trú tại Ấp 5, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Phên tòa không rõ lý do nên Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt chị Nh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về mặt nội dung:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ph với chị Nh, Hội đồng xét xử thấy rằng: anh Ph và chị Nh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12/2018 là có xảy ra trên thực tế. Tuy Nh, căn cứ vào lời trình bày của anh Ph và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, xã Phong Thạnh Tây thì có căn cứ xác định anh chị đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên anh Ph xin ly hôn, Chị Nh thì không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử thấy rằng việc không đăng ký kết hôn giữa anh Ph và chị Nh là không tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*…" và tại khoản 2 Điều 53 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này…*". Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Trần Minh Ph và chị Nguyễn Thị Hồng Nh là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh Ph xác định không có con chung, không yêu cầu, chị Nh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Do tại Phên tòa, anh Ph rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung đối với chị Nh nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản chung của nguyên đơn, nếu có tranh chấp thì anh Ph và chị Nh có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Anh Ph xác định không có nợ chung nên không yêu cầu, chị Nh cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Minh Ph là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không công nhận anh Trần Minh Ph và chị Nguyễn Thị Hồng Nh là vợ chồng.

2/. Về con chung: Anh Ph xác định không có con chung nên không yêu cầu, chị Nh cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Trần Minh Ph về việc chia đôi 07 chỉ 05 phân (bảy chỉ năm phân) vàng 24K và 12 chỉ 06 phân (mười hai chỉ sáu phân) vàng 18K.

Anh Ph và chị Nh có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

4/. Về nợ chung: Anh Ph xác định không có nợ chung nên không yêu cầu, chị Nh cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

5/. Về án phí: Anh Trần Minh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001051 ngày 12/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh Ph có quyền kháng cáo bản án. Riêng chị Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- CCTHA TX. G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.